| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỸ XUYÊN**<br>TỈNH SÓC TRĂNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

Bản án số: 37 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con"

# NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lý Thị Đào.

- Bà Lâm Thị Tám

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: ông Đoàn Văn Khải, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/05/2020. Về tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, và tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 06 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số: 58/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/07/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **T.T.B.N,** sinh năm 1998.

Địa chỉ: số 179/56, đường tỉnh lộ 934, ấp T.L, T.T.M.X, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh **L.T.A**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: số 361 đường Trần Hưng Đạo, ấp H.M, T.T.M.X, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 17/4/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn T.T.B.N trình bày: Chị N kết hôn với anh L.T.A với nhau được Ủy ban nhân dân T.T.M.X, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc

Trăng cấp ngày 30/12/2016. Sau khi kết hôn, hai người sống chung với nhau tại ấp T.L, T.T.M.X, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống, chị N và anh T.A sống hạnh phúc trong thời gian đầu và có một người con chung tên L.T.N.T(nữ), sinh ngày 05/07/2016. Sau này, do cuộc sống chung không hạnh phúc, không đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất hoà mâu thuẫn ngày càng nhiều  làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng chị N không thể sống chung với anh T.A và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị  T.T.B.N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.T.A.

Về con chung: L.T.N.T(nữ), sinh ngày 05/07/2016 hiện tại sinh sống với chị N, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T.A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T.T.B.N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Đối với bị đơn L.T.A: Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh T.A đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T.A theo quy định của pháp luật. Anh T.A không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi Tòa án. Theo thủ tục tố tụng, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia nhưng anh T.A vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/02/2020 không có lý do. Tòa án tiếp tục thông báo phiên hòa giải, triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai, để tham gia hòa giải nhưng anh T.A vẫn vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 19/02/2020 không có lý do nên không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến thời điểm nghị án, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T.T.B.N được ly hôn với anh L.T.A. Giao cho chị T.T.B.N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung L.T.N.T(nữ), sinh ngày 05/07/2016 đến tuổi trưởng thành. Anh L.T.A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai có quyền cản trở. anh L.T.A không phải

cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của nguyên đơn T.T.B.N. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, chị N yêu cầu ly hôn với anh T.A và giải quyết nuôi con. Quan hệ pháp luật nêu trên được điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa  hôm nay, nguyên đơn T.T.B.N vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nguyên đơn; Bị đơn L.T.A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn Thái Thị Bích Trâm bị đơn L.T.A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân T.T.M.X, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/12/2016 theo đúng quy định. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh con mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn T.T.B.N có kết hôn với bị đơn L.T.A là sự thật, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, giữa chị T.T.B.N và anh L.T.A đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó thì bất đồng quan điểm thường xuyên cự cải làm cho tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến chị N và anh T.A không còn tiếp tục sống chung với nhau.

Nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xét thấy, trong quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng được quy

định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó chứng tỏ rằng tình yêu giữa vợ chồng không còn nữa, mặc dù đang tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng giữa chị N và anh T.A  không có tình nghĩa vợ chồng. Những biểu hiện trên cho thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể sống chung để cùng nhau xây dựng được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn T.T.B.N và bị đơn L.T.A thật sự trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nhận định như trên, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn T.T.B.N đối với bị đơn L.T.A là có cơ sở chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị T.T.B.N được ly hôn với anh L.T.A.

[3] Về con chung: Chị T.T.B.N và anh L.T.A có với nhau một người con chung tên L.T.N.T(nữ), sinh ngày 05/07/2016 hiện đang sinh sống với chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T.T.B.N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh T.A phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét tại thời điểm xét xử L.T.N.T(nữ), sinh ngày 05/07/2016 còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ và hiện tại cháu Trâm đang sống với chị N cuộc sống hằng ngày của cháu Trâm vẫn ổn định, phát triển tốt về thể chất và tinh thần; Chị N cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng Lê Thái Ngọc Trâm. Do đó, để đảm bảo cho cuộc sống của cháu L.T.N.Tđược ổn định, phát triển tốt về thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để giao L.T.N.Tcho Chị T.T.B.N được tiếp tục nuôi dưỡng.

[4]Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T.T.B.N trình bày không yêu cầu anh T.A phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn T.T.B.N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn T.T.B.N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị T.T.B.N được ly hôn với anh L.T.A.

2/ Về con chung: Giao cho chị T.T.B.N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên L.T.N.T(nữ), sinh ngày 05/07/2016, anh L.T.A không phải cấp dưỡng nuôi con.Trong thời gian chị T.T.B.N nuôi con, không ai có quyền cản trở sự quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Chị T.T.B.N và anh L.T.A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn T.T.B.N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000124 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, chị T.T.B.N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Toàn**

**Nơi nhận**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- UBND TT Mỹ Xuyên
-THADS huyện Mỹ Xuyên
- Lưu hồ sơ vụ án.